

MÔ HÌNH DU LỊCH TRẢI NGHIỆM LÀNG NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG TẠI XÓM DÌA TRÊN¹

PHẠM THỊ BÍCH THỦY*
BÙI THỊ BÍCH LAN**

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm xây dựng mô hình du lịch trải nghiệm làng nghề thủ công truyền thống làm giấy bản tại xóm Dì Trên, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Dựa trên lý thuyết các bên liên quan, lý thuyết du lịch trải nghiệm, lý thuyết các cấp độ sản phẩm, nhóm tác giả đề xuất hai mô hình để phát triển du lịch tại Dì Trên. Thứ nhất là mô hình chiến lược, định hướng hoạt động và xác định vai trò, nhiệm vụ cho các bên liên quan, gồm: cộng đồng, chính quyền và doanh nghiệp. Thứ hai là mô hình sản phẩm du lịch trải nghiệm, xác định bốn cấp độ sản phẩm, gồm: nhóm sản phẩm cốt lõi, nhóm sản phẩm tiện ích, nhóm sản phẩm bổ sung và nhóm sản phẩm tăng cường. Đồng thời, nghiên cứu cũng gợi ý sáu bước thực hiện để triển khai hiệu quả mô hình trong thực tiễn.

Từ khóa: Du lịch trải nghiệm; làng nghề; mô hình; nghề thủ công truyền thống.

Abstract: This report presents an update on a recent study that aims to cultivate experience tourism in the Dia Tren paper-craft village, located at Phuc Sen commune, Quang Hoa district, Cao Bang province. Based on relevant theories such as stakeholder theory, experiential tourism theory, and product-level theory, the authors propose two models for tourism development in Dia Tren. The first is the strategic model, which provides guidance for activities and defines the roles and responsibilities of stakeholders, including the community, government, and businesses. The second is the experiential tourism product model, which identifies four levels of products: core product group, utility product group, supplementary product group, and enhancement product group. Additionally, the study suggests six implementation steps to effectively deploy the model in practice.

Keywords: Experience tourism; craft village; model; traditional handmade crafts.

Ngày nhận bài: 10/5/2023; Ngày sửa bài: 27/6/2023; Ngày duyệt đăng bài: 20/8/2023.

1. Đặt vấn đề

Cao Bằng là tỉnh thuộc vùng trung du và miền núi phía bắc Việt Nam, có trên 333km đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc. Nơi đây có nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng, có bề dày lịch sử - văn hóa đa dạng, với hơn 90% là đồng bào dân tộc thiểu số. Tỉnh đã xác định du lịch là một trong ba

khâu đột phá nhằm phát triển kinh tế - xã hội của địa phương².

Làng nghề giấy bản Quốc Dân tại Dì Trên là một trong ba làng nghề của xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa và là một trong 21 làng nghề truyền thống của tỉnh Cao Bằng. Hiện nay, Dì Trên đang phát triển một số hoạt động du lịch, song thực tế đặt ra nhiều

¹ Bài viết là kết quả của Dự án: Bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống gắn với du lịch vùng Công viên địa chất non nước Cao Bằng (2021-2023), mã số: VINIF09 2021.VHLS 04, do TS. Bùi Thị Bích Lan là Chủ nhiệm, Viện Dân tộc học là tổ chức chủ trì. Dự án này được tài trợ bởi Vingroup và hỗ trợ bởi Quỹ Đổi mới, sáng tạo Vingroup (VINIF), Viện Nghiên cứu dữ liệu lớn.

* Trường Đại học Thủ đô Hà Nội; Email: ptbthuy@daihocthudo.edu.vn

** Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: buibichlan@gmail.com

² UBND tỉnh Cao Bằng (2016), *Chương trình Phát triển Du lịch giai đoạn 2016 - 2020*, số 10-Ctr/TU ngày 29/4/2016.

cơ hội và thách thức cho địa phương. Để phát huy nguồn lực, giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển cần có các mô hình hướng dẫn thực hiện. Điều đó đã tạo động lực cho nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu xây dựng mô hình du lịch trải nghiệm làng nghề thủ công truyền thống tại xóm Dìa Trên, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

2. Phương pháp nghiên cứu

Để xây dựng mô hình du lịch trải nghiệm làng nghề thủ công truyền thống cho làng giấy bản Dìa Trên, nhóm tác giả đã thực hiện các phương pháp sau:

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về du lịch trải nghiệm, lý thuyết các bên liên quan, và lý thuyết các cấp độ sản phẩm.

Thực hiện hai cuộc diễn dã vào tháng 6/2022 và tháng 4/2023 tại xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

Những kết quả thu được là căn cứ lý luận và căn cứ thực tiễn quan trọng để đề xuất mô hình du lịch trải nghiệm làng nghề thủ công truyền thống tại Dìa Trên.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Giới thiệu khái quát về làng Dìa Trên và nghề làm giấy

Xóm Dìa Trên là một trong hai nơi (cùng với xóm Quốc Dân) có nghề làm giấy bản truyền thống, tại xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Nghề làm giấy nơi đây được đồng bào người Nùng An gìn giữ và phát triển hàng trăm năm. Giấy bản được làm từ vỏ cây mạy sla (cây dướng), mọc tự nhiên trên các triền đồi và núi cao. Hàng

năm, vào các tháng Hai, Ba, Sáu, Bảy, là bà con đi bóc vỏ cây, vì thời điểm này cây dễ bóc vỏ nhất. Sau khi bóc lấy phần vỏ, bà con mang về tước lớp vỏ đen và ngâm trong nước khoảng 12 giờ, rồi đun lên khoảng 3 giờ, tiếp tục ngâm trong nước sạch 12 giờ. Cuối cùng, những thanh niên trẻ, khỏe dùng gậy đập cho thật nát vỏ đã nấu và đem xuống bể khuấy đều. Trong quá trình khuấy, người dân trộn cùng bã giã từ cây dây trơn (tiếng Nùng gọi là “khuổi háo”) để giấy khi vào khuôn có độ kết dính cao. Công đoạn tiếp theo là ép giấy. Việc này đòi hỏi sự khéo léo sao cho giấy không quá dày hay quá mỏng. Giấy lấy ở khuôn được đặt lên phen, rồi dán lên tường để hong khô. Cuối cùng thu được sản phẩm giấy bản dai, mỏng vừa phải và có màu vàng nhạt.

Từ xa xưa giấy bản đã mang giá trị tôn nghiêm trong các phong tục, tín ngưỡng của đồng bào Nùng An. Mỗi người từ khi sinh ra, lớn lên, đến khi mất đi đều gắn với giấy bản. Giấy bản khi được dùng để ghi chép các truyện cổ dân gian, khi dùng để lưu giữ gia phả dòng họ, khi để cất giấy tiền, vàng mã... Đặc biệt, người dân còn dùng giấy bản dán lên bàn thờ, trang trí nhà hay viết chữ Hán, bởi giấy dai, thấm mực và chữ viết không bị phai màu. Ngày nay, nhiều người đã chọn giấy bản để gói bọc các loại bánh, xôi... hay làm các sản phẩm thủ công tiện dụng và đẹp mắt như quạt giấy, túi quà tặng bằng giấy, thiệp giấy, hoa giấy...

Với những giá trị văn hóa truyền thống, xóm Dìa Trên và xóm Quốc Dân đã được nhận Bằng công nhận Làng nghề Giấy bản ngày 28/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng³. Tính đến năm 2021, làng có

³ Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng (2021), *Quyết định về việc công nhận làng nghề tỉnh Cao Bằng năm 2021*, số 2023/QĐ-UBND.

39/116 hộ làm giấy bản với 93 lao động làm nghề, sản lượng bình quân 129,81 nghìn bó/năm⁴. Nghề làm giấy đã mang lại thu nhập ổn định, giải quyết công ăn việc làm cho lao động nông thôn lúc nông nhàn. Một số hộ sản xuất đã được công nhận là thành viên đối tác của Công viên địa chất toàn cầu UNESCO. Làng nghề trở thành điểm dừng chân trong tuyến “Trải nghiệm văn hóa xứ sở thân tiên”. Đây là tuyến du lịch phía Đông tập trung vào bốn huyện Trà Lĩnh, Quảng Hòa, Trùng Khánh và Hạ Lang với đặc điểm nổi bật là văn hóa bản địa độc đáo của dân tộc Tày, Nùng, H'Mông, Dao... và các làng nghề truyền thống, lễ hội dân gian, ẩm thực núi rừng, cùng những hang động và thắng cảnh thiên nhiên hùng vĩ như thác Bản Giốc, động Ngườm Ngao, hồ Thang Hen...

Mặc dù có thế mạnh để phát triển nghề, tuy nhiên Dì Trên hiện nay cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức như xu hướng giảm số lao động làm nghề, thiếu vốn cho truyền nghề và phát triển nghề, sản phẩm thủ công với chức năng và mẫu mã đơn giản nên khó cạnh tranh, thiếu ý tưởng thiết kế phát triển sản phẩm, chưa am hiểu thị trường, thiếu những sản phẩm du lịch chất lượng cao... Những tiềm năng và thách thức này là căn cứ thực tiễn quan trọng để nhóm nghiên cứu đề xuất mô hình cho địa phương.

3.2. Cơ sở lý thuyết để xây dựng mô hình

Để xây dựng mô hình phát triển du lịch tại Dì Trên, nghiên cứu sử dụng ba khung lý thuyết, gồm lý thuyết các bên liên quan,

lý thuyết các cấp độ sản phẩm du lịch và lý thuyết du lịch trải nghiệm.

3.2.1. Lý thuyết các bên liên quan

Lý thuyết về sự tham gia của các bên liên quan có nguồn gốc từ quản trị kinh doanh và quản lý công. Freeman là người đặt nền móng cho lý thuyết này. Lý thuyết các bên liên quan cho rằng tổ chức hay doanh nghiệp cần xem xét *bất cứ nhóm hay cá nhân nào ảnh hưởng đến hoặc chịu ảnh hưởng bởi việc đạt được mục tiêu của doanh nghiệp*⁵. Các bên liên quan có mối quan hệ tương hỗ, mỗi bên có thể ảnh hưởng đến bên kia về tác hại và lợi ích cũng như quyền và nghĩa vụ⁶. Trong đó, *các chủ sở hữu có cổ phần tài chính trong công ty dưới dạng cổ phiếu, trái phiếu... Nhân viên có công việc cụ thể, tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất tạo ra sản phẩm, dịch vụ cho công ty. Các nhà cung cấp sẽ cung ứng nguyên liệu đầu vào, quyết định chất lượng và giá cả của sản phẩm cuối cùng. Khách hàng trao đổi nguồn lực để nhận được sản phẩm/dịch vụ. Cộng đồng địa phương trao cho công ty quyền xây dựng cơ sở vật chất, do đó họ được hưởng lợi từ thuế và các đóng góp kinh tế - xã hội của công ty. Du lịch là một trong những ngành công nghiệp lớn nhất trên thế giới bởi tính tổng hợp của nó. Điều này có nghĩa là nhiều cá nhân, nhóm và tổ chức sẽ liên quan đến hoạt động du lịch ở cấp độ này hay cấp độ khác. Vì thế, chìa khóa của thành công trong du lịch là tập trung nhiều hơn vào vai trò của các bên liên quan.*

⁴ Ủy ban nhân dân xã Phúc Sen (2021), *Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề giấy bản Dì Trên*, số 96/BC-UBND.

⁵ Freeman R. E (1984), *Strategic Management: A Stakeholder Approach*, Pitman, Boston.

⁶ Max B.E.Clarkson (1998), *The Corporation and Its Stakeholders: Classic and Contemporary Readings*, In University of Toronto Press, University of Toronto Press.

3.2.2. Lý thuyết các cấp độ sản phẩm du lịch

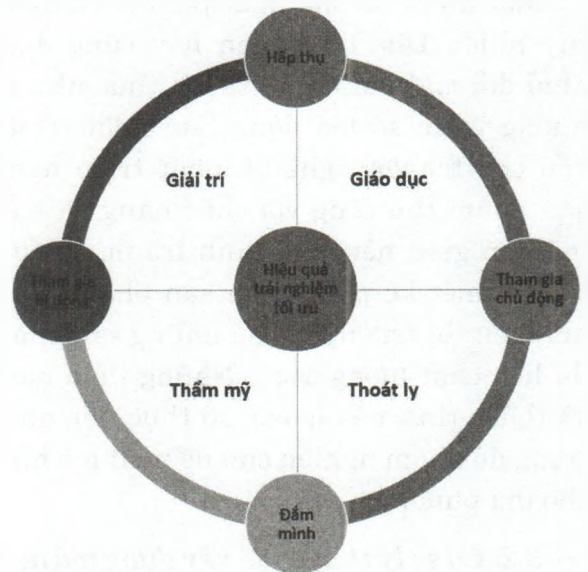
Các cấp độ sản phẩm du lịch được xây dựng từ lý thuyết phát triển sản phẩm dịch vụ của P.Kotler và cộng sự⁷ và lý thuyết quản trị dịch vụ của C.Gronroos⁸. Sản phẩm du lịch gồm 4 tầng: (1) *sản phẩm cốt lõi (core product)* là cấp độ sản phẩm cơ bản, sản phẩm hạt nhân khiến du khách bỏ tiền ra để được thụ hưởng. (2) *sản phẩm tiện ích (facilitating product)* là các dịch vụ, hàng hóa cần thiết để du khách sử dụng sản phẩm cốt lõi một cách thoải mái. Tiện ích quan trọng trong du lịch là khả năng tiếp cận, cơ sở hạ tầng, hệ thống giao thông, cơ sở vật chất kỹ thuật... (3) *sản phẩm hỗ trợ (supporting product)* là các sản phẩm được cung cấp để tăng thêm giá trị cho sản phẩm cốt lõi, giúp tạo ra sự khác biệt so với đối thủ cạnh tranh. (4) *sản phẩm tăng cường (augmented product)* là sự kết hợp sáng tạo của sản phẩm lõi, sản phẩm tiện ích, sản phẩm hỗ trợ, và cách phân phối sản phẩm cuối cùng đến khách hàng. Sản phẩm tăng cường tạo nên sự độc đáo, mang lại cho khách cảm xúc mới lạ và những trải nghiệm đáng nhớ. Đây là cấp độ cao nhất, thể hiện đầy đủ đặc điểm của sản phẩm du lịch trải nghiệm.

3.2.3. Lý thuyết du lịch trải nghiệm

Du lịch trải nghiệm có nguồn gốc từ lý thuyết nền kinh tế trải nghiệm của Pine và Gilmore. Nghiên cứu trong bối cảnh ngành giải trí và du lịch, hai học giả khẳng định trải nghiệm xảy ra khi có (1) sự tham gia

của du khách (từ bị động đến chủ động) và (2) sự kết nối với môi trường xung quanh (từ tiếp nhận - quan sát đến cảm nhận - hòa mình). Sự kết hợp của hai chiều kích này đã tạo nên bốn lĩnh vực của trải nghiệm, gồm trải nghiệm giải trí, trải nghiệm giáo dục, trải nghiệm thoát ly và trải nghiệm thẩm mỹ⁹. Những trải nghiệm phong phú nhất bao gồm các khía cạnh của cả bốn chiều, người ta gọi đó là “điểm ngọt ngào” trong trải nghiệm hay “trải nghiệm tối ưu” (Hình 1). Để thiết kế các trải nghiệm này, cần thực hiện năm nguyên tắc: (1) tạo chủ đề cho trải nghiệm, (2) kết hợp hài hòa với những tín hiệu tích cực, (3) loại bỏ các tín hiệu tiêu cực, (4) kết hợp với các vật kỷ niệm và (5) thu hút năm giác quan.

Hình 1. Mô hình nền kinh tế trải nghiệm (Nguồn: Pine II & Gilmore, 1998)



Từ khi khái niệm du lịch trải nghiệm được hình thành, nhiều học giả trên thế giới đã nghiên cứu và đưa ra các định nghĩa

⁷ Kotler P, T.Bowen J, Makens J, Baloglu S (2016), *Marketing for Hospitality and Tourism (7th ed.)*, Pearson.
⁸ Grönroos C (2015), *Service Management and Marketing: Managing the Service Profit Logic (4th ed.)*, John Wiley & Sons Ltd.
⁹ Pine B. J, Gilmore J. H (1998), *Welcome to the experience economy*, Harvard Business Review, 76 (July-August), 97-105.

khác nhau như Stamboulis (2003)¹⁰, Smith (2006)¹¹, Marí (2016)¹², de Bruin (2016)¹³, Jensen¹⁴, Trần Đức Thanh (2022)¹⁵... Nhưng tựu chung có thể hiểu du lịch trải nghiệm là “loại hình du lịch nhấn mạnh vào việc cung cấp trải nghiệm thực tế tích cực và chủ động”¹⁵ và được đặc trưng bởi các dịch vụ có mức độ khác biệt tương đối cao, có giá trị vô hình được khách du lịch cảm nhận tại một địa điểm nhất định, trong một khoảng thời gian xác định. Cơ sở để khác biệt hóa là sự kết hợp của chủ đề cụ thể, bối cảnh đặc biệt, sự sắp xếp mới lạ, giá trị trải nghiệm được cảm nhận, sự tham gia đa giác quan và các yếu tố khác làm tăng giá trị cảm nhận cho du khách¹⁴.

3.3. Mô hình du lịch trải nghiệm làng nghề thủ công truyền thống tại Dì Trên

Trong các lĩnh vực khác nhau khái niệm mô hình được giải thích rất khác nhau. Với nghiên cứu này, mô hình được hiểu là một cấu trúc/khung lý thuyết cho đối tượng nghiên cứu, diễn tả mối quan hệ đặc trưng, logic giữa các yếu tố của đối tượng đó. Và nhóm nghiên cứu đề xuất hai mô hình là mô hình chiến lược và mô hình sản phẩm.

3.3.1. Mô hình chiến lược các bên liên quan trong phát triển du lịch tại Dì Trên

Để phát triển du lịch trải nghiệm làng nghề thủ công truyền thống tại Dì Trên cần có sự phối hợp giữa chính quyền, doanh

nh nghiệp và cộng đồng. Nghiên cứu đã đề xuất mô hình chiến lược các bên liên quan. Trong đó, chính quyền gồm Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã Phúc Sen; doanh nghiệp gồm các công ty du lịch, các đơn vị đầu tư vào làng nghề để phát triển cơ sở vật chất, cơ sở kinh doanh, các hợp tác xã sản xuất nghề thủ công truyền thống và nông sản...; cộng đồng là cư dân của làng nghề (gồm những hộ tham gia, và không tham gia sản xuất) (Hình 2).

Ở trục phối hợp **Chính quyền - Doanh nghiệp**, cần tập trung vào công tác quy hoạch, đầu tư. Trong đó chính quyền cần làm tốt khâu quy hoạch và đầu tư hạ tầng cơ bản (giao thông, tiện ích công cộng...), còn doanh nghiệp phối hợp cùng chính quyền trong việc tư vấn, xã hội hóa nguồn vốn, phát triển hạ tầng du lịch... Đây là những đầu tư có tính chất đòn bẩy quan trọng cho Dì Trên.

Ở trục phối hợp **Chính quyền - Cộng đồng**, cần tập trung xây dựng điểm đến du lịch. Để xây dựng và định vị thương hiệu điểm đến, chính quyền cần định hướng, hỗ trợ cộng đồng thiết lập được sản phẩm cốt lõi.

Ở trục phối hợp **Doanh nghiệp - Cộng đồng**, cần tập trung vào công tác nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm (sản

¹⁰ Stamboulis Y, Skayannis P (2003), *Innovation strategies and technology for experience-based tourism*, Tourism Management, 24(1), 35-43.

¹¹ Smith W. L (2006), *Experiential tourism around the world and at home: Definitions and standards*, International Journal of Services and Standards, 2(1), 1-14.

¹² Marí N. T (2016), *Experiential tourism: a strategy for improving competitiveness*, Doctoral Programme of Tourism and Environmental Economics, Universitat de les Illes Balears.

¹³ de Bruin A, Jelinčić D. A (2016), *Toward extending creative tourism: participatory experience tourism*, Tourism Review, 71(1), 57-66.

¹⁴ Jensen Ø, Prebensen N (2015), *Innovation and value creation in experience-based tourism*, Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism, 15, 1-8.

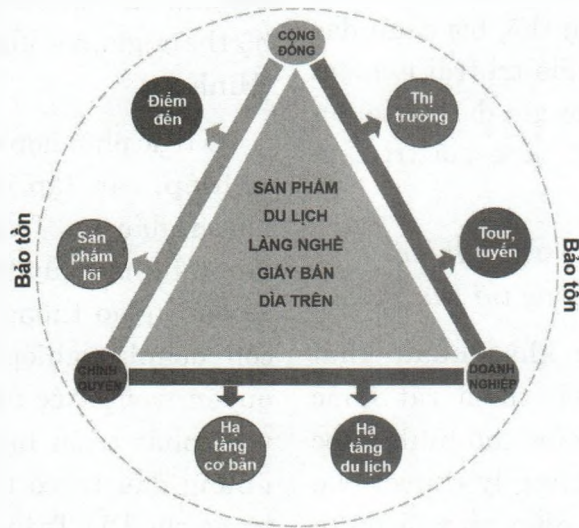
¹⁵ Trần Đức Thanh (Chủ biên) (2022), *Nhập môn Du lịch (Introduction to Tourism)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội

MÔ HÌNH DU LỊCH TRẢI NGHIỆM LÀNG NGHỀ THỦ CÔNG TRUYỀN THỐNG...

phẩm du lịch, sản phẩm làng nghề và sản phẩm bổ trợ). Trong đó, doanh nghiệp du lịch cần phối hợp với cộng đồng khảo sát, xây dựng, thiết kế các tour, tuyến du lịch nội làng và liên làng. Chính quyền địa phương cần kết nối và điều phối để mối quan hệ này phát huy hiệu quả.

Đây là mô hình chiến lược thể hiện vai trò và sự phối hợp xuyên suốt của ba bên liên quan. Du lịch chỉ có thể phát triển bền vững nếu trách nhiệm của ba bên được xác định và cam kết thực hiện. Quyền và lợi ích của mỗi bên cần được quy định thành văn bản của địa phương hay nội quy, quy định của làng nghề.

Hình 2. Mô hình chiến lược trong phát triển du lịch tại Địa Trên (Nguồn: Nhóm tác giả)

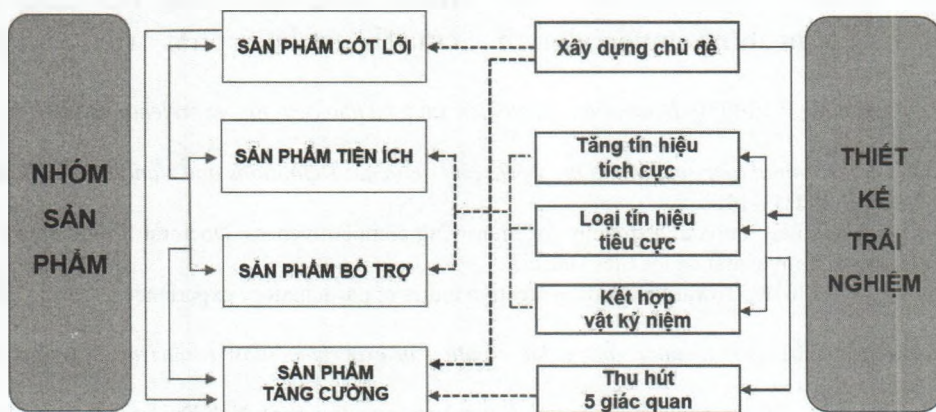


3.3.2. Mô hình sản phẩm du lịch trải nghiệm làng nghề tại Địa Trên

Từ việc khảo cứu thực tiễn và chính sách của địa phương, tham chiếu vai trò các bên liên quan, xác định sản phẩm và

thực thi nguyên tắc thiết kế trải nghiệm, nhóm tác giả đưa ra mô hình sản phẩm du lịch trải nghiệm làng nghề thủ công truyền thống tại Địa Trên (Hình 3).

Hình 3. Mô hình sản phẩm du lịch trải nghiệm làng nghề tại Địa Trên (Nguồn: Nhóm tác giả)



Nhóm sản phẩm Cốt lõi:

Sản phẩm **Cốt lõi - Làng nghề giấy bản Dì Trên**: Dì Trên là một trong hai vùng đất có truyền thống làm giấy bản lâu đời tại xã Phúc Sen. Đồng bào ở đây sinh sống chủ yếu với nghề nông và nghề làm giấy. Vì thế, sản phẩm lõi trong mô hình này là tham quan nghề làm giấy bản của người Nùng An, tìm hiểu các công đoạn và nguyên liệu làm ra giấy bản từ cây mạy sla ở vùng đất Cao Bằng.

Nhóm sản phẩm Tiện ích:

Sản phẩm **Tiện ích 1 - Giao thông nội làng**: Vị trí của làng nằm khá xa đường quốc lộ (khoảng 3km), khổ đường hẹp nên xe du lịch lớn khó vào làng. Để phục vụ khách trong cự ly ngắn, cần phát triển tiện ích giao thông như dịch vụ xe điện hoặc cho thuê xe đạp ở điểm nối với đường quốc lộ. Ở đường làng, nơi khách có thể trải nghiệm đi bộ, cần quy hoạch và dọn dẹp vệ sinh. Các xe chở nguyên liệu, cây trồng ra đồng ruộng cần bố trí đường riêng, không đi chung đường giao thông nội làng như hiện nay để đảm bảo không gian sạch đẹp cho làng nghề.

Sản phẩm **Tiện ích 2 - Lưu trú Dì Trên**: Mặc dù nhu cầu lưu trú của du khách ở Dì Trên không nhiều (thời gian lưu trú trung bình thường dưới một ngày) nhưng phát triển du lịch không thể bỏ qua dịch vụ này. Hiện nay, trong cụm các làng nghề của xã mới có làng hương Phia Thấp đã xây dựng được một cơ sở lưu trú. Vì vậy, làng cần lựa chọn một vài hộ gia đình phù hợp, hỗ trợ phát triển homestay để cung cấp dịch vụ lưu trú cơ bản.

Sản phẩm **Tiện ích 3 - Ẩm thực Dì Trên**: Ẩm thực là một trong những tài nguyên chuyển tải nhiều giá trị văn hóa nhất của địa phương. Và khách du lịch luôn muốn thưởng thức đặc sản của điểm đến. Cao Bằng có nhiều món ăn ngon như vịt quay bảy vị, bánh cuốn, bánh trứng kiến, phở chua, Lạp sườn hong khói, hạt dẻ Trùng Khánh, miến Phia Đén, bánh khảo, xôi trám hay các loại rau rừng... Vì thế, địa phương có thể lựa chọn các món ăn tiêu biểu để giới thiệu và phục vụ du khách.

Sản phẩm **Tiện ích 4 - Thông tin du lịch**: Hiện nay, khách du lịch đến Dì Trên phần lớn là tự tìm hiểu hoặc hướng dẫn viên của đoàn tự thuyết minh. Vì vậy, để đáp ứng nhu cầu tìm hiểu làng nghề của du khách, Trung tâm thông tin du lịch cần được hình thành, với các hạng mục cơ bản như phòng cung cấp thông tin, nhà vệ sinh và các thiết bị cần thiết như máy tính, bàn ghế, bản đồ, tờ rơi... Có thể đặt nơi làm việc của Ban quản lý Du lịch tại đây, vừa để sẵn sàng cung cấp thông tin, dịch vụ hướng dẫn, vừa thuận tiện cho quản lý, điều phối các hoạt động.

Nhóm sản phẩm Bổ sung:

Sản phẩm **Bổ sung 1 - Quà lưu niệm Dì Trên**: Với du khách, quà lưu niệm hay vật kỉ niệm là sự nối dài trải nghiệm về điểm đến, để khách gợi nhớ về nơi mình đã đi. Còn với điểm đến thì nó là công cụ chuyển tải thông điệp về tự nhiên, văn hóa và con người địa phương. Hiện nay, Dì Trên chưa có sản phẩm quà tặng nào thực

sự thu hút khách du lịch. Sản phẩm của làng nghề phổ biến là giấy bản khổ nhỏ và một vài sản phẩm thủ công do người dân tự tạo, kiểu dáng giản đơn. Vì thế, địa phương cần hỗ trợ các hộ gia đình và kêu gọi doanh nghiệp đầu tư (về ý tưởng, thiết kế, nguồn vốn...) để phát triển năng lực sản xuất quà lưu niệm, gia tăng giá trị trải nghiệm du lịch, kích thích chi tiêu của du khách. Sản phẩm có thể phát triển tại đây là quà lưu niệm từ giấy như quạt giấy, đèn lồng giấy, đồ chơi bằng giấy, tranh giấy bản... Đồng thời có thể xây dựng các gian hàng giới thiệu và bán sản phẩm của huyện/tỉnh có gắn nhãn thương hiệu. Như thế, du khách có thể biết đến và mua sản phẩm của làng nghề khác, bởi trong chuyến đi không phải lúc nào họ cũng thăm được tất cả các làng nghề và các điểm du lịch của địa phương.

Sản phẩm **Bổ sung 2 - Đặc sản Phúc Sen**: Địa Trên với đặc thù của làng nghề thủ công nên ít các sản phẩm ẩm thực. Tuy nhiên xã Phúc Sen có tiềm năng về nông sản. Thực hiện “Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm (OCOP)”, xã Phúc Sen đã xây dựng nhiều sản phẩm OCOP, thành lập các hợp tác xã theo tiêu chuẩn Vietgap như rau của hợp tác xã Quốc Tuấn, mơ và chè của hợp tác xã Lũng Sâu, khoai lang và củ cải khô của hợp tác xã Phúc Sen¹⁶... Các đặc sản này nếu được phát triển thành quà tặng ẩm thực theo mùa với chất lượng tốt, bao bì đẹp, có gắn nhãn thương hiệu sẽ hấp dẫn khách du lịch, đặc biệt là khách du

lịch nội địa bởi họ thường mua sắm nhiều trong chuyến đi.

Sản phẩm **Bổ sung 3 - Check-in Địa Trên**: Check-in đã trở thành xu hướng trải nghiệm của hầu hết khách du lịch, không chỉ với khách du lịch thanh niên. Địa Trên có lợi thế về môi trường cảnh quan so với các làng nghề khác. Cảnh quan của một làng làm giấy vùng núi thanh bình, cảnh vật thiên nhiên tươi đẹp, không gian xanh mát, không khí trong lành cùng những nếp nhà sàn của người Nùng An... là yếu tố hấp dẫn du lịch. Vị trí đầu làng có thể xây dựng điểm check-in phù hợp với không gian văn hóa để tăng giá trị cảnh quan. Du khách có thể dừng chân chụp ảnh trong hành trình đi bộ hoặc đạp xe quanh làng.

Nhóm sản phẩm Tăng cường:

Sản phẩm **Tăng cường 1 - Câu chuyện Nùng An**: Phúc Sen là địa bàn cư trú chính của người Nùng An. Nơi đây có nhiều câu chuyện thú vị về văn hóa Nùng An, lịch sử nghề làm giấy, phong tục tập quán... Những câu chuyện này cần được sưu tầm, biên tập thành tài liệu hướng dẫn du lịch, góp phần tạo nên các sản phẩm du lịch trải nghiệm văn hóa chất lượng cao.

Sản phẩm **Tăng cường 2 - Một ngày làm thợ giấy**: Tham quan làng giấy là sản phẩm lõi, nhưng trải nghiệm các công đoạn như người thợ làm giấy (lấy vỏ cây, ép giấy, phơi giấy...), hoặc làm sản phẩm thủ công bằng giấy sẽ hấp dẫn các du khách ưa khám phá. Với trải nghiệm này, du khách

¹⁶ UBND xã Phúc Sen (2022), Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh các sản phẩm OCOP đã được công nhận và đăng ký danh sách các sản phẩm tham gia chương trình OCOP năm 2022, số 21/BC-UBND.

sẽ được nhập vai người thợ làm giấy, trải nghiệm các công việc cụ thể trong khoảng thời gian nhất định.

Sản phẩm **Tăng cường 3 - Hát điệu Hèo phươn**: Văn hóa dân gian của người Nùng An phong phú về nội dung, đa dạng về thể loại. Trong kho tàng ấy, dân ca có một vị trí đặc biệt với đời sống tâm hồn con người. “Hèo phươn” nghĩa là “mời gọi bạn cùng hát”, là làn điệu hát đôi theo thể cổ phong, ý tứ đậm đà đầm thắm. Những làn điệu này nên được sưu tầm, biên tập thành tài liệu và thiết kế chương trình trải nghiệm cho du khách. Khi được sống trong không gian Địa Trên, mặc bộ quần áo của người Nùng An, học hát và biểu diễn điệu Hèo phươn, du khách sẽ trải nghiệm là một người dân bản địa và cảm nhận trọn vẹn giá trị văn hóa.

Sản phẩm **Tăng cường 4 - Cùng làm ẩm thực Nùng An**: Người Nùng An ngày nay còn gìn giữ nhiều nét văn hóa ẩm thực truyền thống. Một trong những phong tục không thể thiếu vào mỗi dịp lễ tết là tục gói bánh chưng. Người Nùng gọi bánh chưng là “Khẩu tổm”, bánh dài là “Pẻng Sli”. Bánh chưng là lễ vật để tỏ lòng thành kính, biết ơn tổ tiên và các vị thần linh, đồng thời cũng là món ăn trong mâm cỗ ngày tết. Chiếc bánh chưng gắn liền với quan niệm độc đáo, khi gói bánh người ta sẽ ký hiệu lần lượt 12 chiếc đầu tiên, tương ứng với 12 tháng trong năm. Khi thả vào nồi nước luộc, họ quan sát chiếc bánh nào chìm xuống trước thì ứng với tháng đấy mưa nhiều. Còn chiếc bánh chưng gù với

hình dáng thon hai đầu, ở giữa vuốt cao biểu trưng cho hình ảnh người phụ nữ đang mang thai, thể hiện mong ước về sự sinh sôi nảy nở. Nét văn hóa ẩm thực độc đáo đó nên được lựa chọn, xây dựng thành các trải nghiệm theo từng thời điểm trong năm. Du khách đến đây, tham gia chuẩn bị nguyên liệu, gói và nấu bánh chưng, nghe những câu chuyện ý nghĩa về văn hóa người Nùng An trong tiết trời se lạnh của núi rừng sẽ là sản phẩm trải nghiệm giàu cảm xúc. Bên cạnh đó, cũng có thể xây dựng những giá trị văn hóa ẩm thực khác thành các sản phẩm trải nghiệm đa dạng để du khách lựa chọn.

Như vậy, có bốn nhóm sản phẩm được đề xuất trong mô hình sản phẩm du lịch trải nghiệm làng nghề thủ công truyền thống tại Địa Trên. Để mô hình đi vào thực tiễn, địa phương cần triển khai theo từng bước cụ thể, từ việc (1) lập kế hoạch, (2) xây dựng cơ chế tổ chức, (3) thiết kế sản phẩm - dịch vụ, (4) hoàn chỉnh khả năng đón tiếp khách, (5) xúc tiến quảng bá, đến việc (6) vận hành và kiểm soát.

4. Kết luận

Du lịch đã chứng minh vai trò quan trọng của nó cho sự phát triển kinh tế - xã hội tại nhiều địa phương. Và làng nghề làm giấy bản tại xóm Địa Trên, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng cũng bắt đầu phát triển du lịch. Từ việc nghiên cứu lý thuyết và khảo cứu thực tế, nhóm tác giả đã đề xuất mô hình chiến lược và mô hình sản phẩm cho du lịch trải nghiệm làng

nghề thủ công truyền thống tại Dì Trên. Hai mô hình này là những gợi ý cho địa phương trong việc kết nối các bên tham gia du lịch, tiếp cận thị trường, xây dựng sản phẩm... nhằm phát triển du lịch, và góp phần bảo tồn văn hóa, bảo vệ môi trường của làng nghề.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đức Thanh (Chủ biên, 2022), *Nhập môn Du lịch (Introduction to Tourism)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. UBND tỉnh Cao Bằng (2016), *Chương trình Phát triển Du lịch giai đoạn 2016 - 2020*, số 10-Ctr/TU ngày 29/4/2016.
3. UBND tỉnh Cao Bằng (2021), *Quyết định về việc công nhận làng nghề tỉnh Cao Bằng năm 2021*, số 2023/QĐ-UBND.
4. UBND xã Phúc Sen (2021), *Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của làng nghề giấy bản Dì Trên*, số 96/BC-UBND.
5. UBND xã Phúc Sen (2022), *Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh các sản phẩm OCOP đã được công nhận và đăng ký danh sách các sản phẩm tham gia chương trình OCOP năm 2022*, số 21/BC-UBND.
6. de Bruin A, Jelinčić D.A (2016), *Toward extending creative tourism: participatory experience tourism*, *Tourism Review*, 71(1)
7. Freeman R.E (1984), *Strategic Management: A Stakeholder Approach*, Pitman, Boston.
8. Grönross C (2015), *Service Management and Marketing: Managing the Service Profit Logic (4th ed.)*, John Wiley & Sons Ltd.
9. Jensen Ø, Prebensen N (2015), *Innovation and value creation in experience-based tourism*, *Scandinavian Journal of Hospitality and Tourism*, 15.
10. Kotler P, T.Bowen J, Makens J, Baloglu S (2016), *Marketing for Hospitality and Tourism (7th ed.)*, Pearson.
11. Marí N.T (2016), *Experiential tourism: a strategy for improving competitiveness*, Doctoral Programme of Tourism and Environmental Economics, Universitat de les Illes Balears.
12. Max B.E.Clarkson (1998), *The Corporation and Its Stakeholders: Classic and Contemporary Readings*, In University of Toronto Press, University of Toronto Press.
13. Pine B.J, Gilmore J.H (1998), *Welcome to the experience economy*, *Harvard Business Review*, 76(July-August).
14. Smith W.L (2006), *Experiential tourism around the world and at home: Definitions and standards*, *International Journal of Services and Standards*, 2(1).
15. Stamboulis Y, Skayannis P (2003), *Innovation strategies and technology for experience-based tourism*, *Tourism Management*, 24(1).

TÚ XƯƠNG - MẪU HÌNH NHÀ NHO TÀI TỬ CUỐI MÙA

TRẦN THỊ TÚ NHI*

Tóm tắt: Trong bối cảnh xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX, Tú Xương là một nhà nho lỗi thời, thất thế. Ông như con người thừa bị hất bèn lề xã hội song cũng bởi điều đó, Tú Xương đã nhanh chóng xác lập nên tư cách của một nhà thơ hiện thực trào phúng, một nhà nho tài tử điển hình cho phẩm chất đa tài, đa tình ở giai đoạn cuối thế kỷ XIX. Sự đa tài, thị tài, đa tình, nhuốm màu chua chát, bi ai vì sự thay ngôi đổi chủ, khi mà tầng lớp nhà nho đã mất dần địa vị để nhường chỗ cho những tầng lớp mới lên ngôi. Ở ông hội tụ đầy đủ phẩm chất của một nhà nho tài tử cuối mùa: con người ăn chơi phóng túng, con người thừa, "lệch chuẩn" trong văn chương, bất mãn nông nhênh... Tú Xương đại diện cho tiếng nói của một thời đại mà cái cũ chưa kịp mất đi, cái mới chưa kịp hình thành. Bản thân ông trở nên chông chênh, vô định giữa dòng đời. Đây là những nội dung chính mà chúng tôi đặt ra và luận giải trong bài viết này.

Từ khóa: Văn học trung đại; Tú Xương; loại hình tác giả; nhà nho tài tử; thị tài; đa tình.

Abstract: In the context of Vietnamese society at the end of the nineteenth century, Tu Xuong was an outdated Confucian scholar who had fallen on hard times. He was like an excess individual pushed to the sidelines of society. However, despite this, Tu Xuong quickly established himself as a satirical realist poet, a talented and amorous figure who epitomized the multi-talented and passionate qualities of the late 19th century. His multi-talented nature, ambition, and amorousness were tinged with bitterness and sadness because of the change of power, when the scholar class gradually lost its position to make way for the emerging classes. In him, he fully converges the qualities of a late-season artist: a libertine person, a man of excess, a deviation in literature, a dissatisfied one... Tu Xuong represents the voice of an era in which the old has not been lost, the new has not fully formed. He himself became uncertain, indeterminate in the flow of life. These are the main points that we raise and explain in this article.

Keyword: Medieval society; Tu Xuong; confucian scholar; lady killer or libertine; disfavor.

Ngày nhận bài: 12/4/2023; Ngày sửa bài: 20/5/2023; Ngày duyệt đăng bài: 30/9/2023.

1. Đặt vấn đề

Cuối thế kỷ XIX, xã hội Việt Nam chuyển biến từ xã hội phong kiến thành thực dân nửa phong kiến, dấu vết sự thay ngôi đổi chủ hiển hiện khắp thôn cùng ngõ hẻm, trong từng nếp sinh hoạt của người dân. Ở đô thị, sự đan xen cũ mới càng bộc lộ rõ những nhố nhăng, kịch cỡm, tầng lớp nho sĩ trở nên lạc lõng, khó quen với những đổi thay của thời cuộc, họ như bị gạt bèn lề xã hội.

Với cái nhìn loại hình tác giả văn học thì có thể thấy: Thiển sư và quý tộc là loại hình tác gia chủ yếu của giai đoạn văn học X - XIV, nhà nho hành đạo là loại hình tác gia chủ yếu của giai đoạn XV- XVII và nhà nho tài tử là loại hình tác gia chủ yếu của giai đoạn XVIII - XIX¹. Cuối thế kỷ XIX, loại hình nhà nho tài tử đã có sự chuyển biến về đặc điểm, tính chất cho phù hợp với bối cảnh thời đại, Tú Xương là hình mẫu nhà nho tài tử tiêu biểu cho

* Trường Đại học Quy Nhơn; Email: tunhi81@gmail.com

¹ Bên cạnh những loại hình tác giả tạm được coi là chủ đạo này, còn có thể tính đến loại hình tác giả là vua, chúa ở giai đoạn thế kỷ X đến thế kỷ XIV, sau đó vận động phát triển qua nhiều các thế kỷ sau; loại hình tác giả là nhà nho ẩn dật xuất hiện tập trung từ cuối thế kỷ XV và vận động phát triển gần như song song với loại hình tác giả nhà nho hành đạo từ đó đến hết thế kỷ XIX.

sự chuyển biến ấy. Thuộc lớp nhà nho cuối cùng trong lịch sử văn học trung đại, ông là minh chứng sống động cho sự chuyển đổi tư duy nghệ thuật của nho sĩ cuối mùa, sự đa tài, đa tình, thị tài nhuộm màu chua chát, bi ai vì sự thay ngôi đổi chủ, khi mà tầng lớp nhà nho đã mất dần đi địa vị để nhường chỗ cho những tầng lớp mới lên ngôi. Việc nghiên cứu những biểu hiện tài tử trong thơ văn Tú Xương góp phần khám phá vẻ đẹp thơ văn ông đồng thời khẳng định thêm vị trí của Tú Xương nói riêng cũng như nhà nho tài tử nói chung trong sự vận động và phát triển không ngừng của nền văn học Việt Nam.

2. Loại hình học tác giả văn học và loại hình nhà nho tài tử

Loại hình học văn học là hướng tiếp cận theo hệ thống nhằm phát hiện những đặc điểm mang tính quy luật của văn học trên các bình diện như phong cách, thể loại, nhân vật, tác giả... Hướng nghiên cứu này góp phần phát hiện nhiều đặc điểm mới lạ, khách quan của văn học bên cạnh những hướng nghiên cứu gần đây được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm như hiện tượng luận, phân tâm học, diễn ngôn, thi pháp... Có nhiều công trình nghiên cứu về loại hình phong cách, thể loại, nhân vật và cả loại hình tác giả. Hầu hết các công trình đều nhấn mạnh sự chi phối mang tính quyết định của loại hình tác giả đối với các loại hình khác của văn học như phong cách, thể loại, nhân vật...

Mỗi tác giả văn học là một cá tính sáng tạo, mang phong cách và kinh nghiệm lịch sử riêng, những gì họ thể hiện trên trang viết là vốn kiến thức, nhận thức, sự say mê... mang tính cá nhân. Đó là kết quả của quá trình tương tác với đời sống một cách

tích cực. Tuy nhiên, trong chừng mực nhất định, các cá nhân đều chịu ảnh hưởng bởi môi trường xã hội, chịu sự tác động mang tính lịch sử của đời sống, có cùng một trường văn hóa... Vì vậy, trong khoảng trời nghệ thuật riêng của từng tác giả lại có những yếu tố bền vững, lặp đi lặp lại giữa nhiều cá nhân khác nhau tạo thành một loại hình thống nhất. Vì vậy, trong nghiên cứu lịch sử văn học *sự khác biệt mang tính loại hình giữa các chủ thể sáng tạo cần được coi là một trong những tiêu chí định tính, và các nhà nghiên cứu, các nhà làm lịch sử văn học buộc phải tính đến nó khi phân kỳ các tiến trình lịch sử văn học, khi xác định các trào lưu, các trường phái, chủ nghĩa... trong văn chương*². Phạm trù tác giả được xác tín và tồn tại trong tính loại hình của nó.

Trong văn học trung đại, các loại hình tác giả được nhiều nhà nghiên cứu thừa nhận như thiên sư, tăng lữ, quý tộc, nho gia... Trong loại hình tác giả nhà nho, đến đầu thế kỷ XVIII, hai loại hình nhà nho hành đạo và ẩn dật đều hoàn thiện, ổn định với chuẩn mực riêng, góp mặt nhiều tên tuổi nổi bật. Vai trò của họ vẫn còn rất quan trọng, kéo dài đến tận nửa đầu thế kỷ XX. Đến giữa thế kỷ XVIII, cùng với sự hình thành ổn định của hệ thống đô thị trải dài khắp đất nước, từ đó đã góp phần định hình một loại hình nhà nho mới, nhà nho tài tử. Họ mang những đặc điểm riêng biệt *"...trong mối quan hệ với những tiêu chí của cái chính thống, mà những đóng góp của họ là không thể phủ nhận được, đến mức, nếu gạt bỏ chúng thì không thể hình dung được không chỉ đời sống tinh thần, ý thức, mà cả những biến động kinh tế, chính trị của các thế kỷ XVIII - XIX ở Việt Nam"*³.

² Trần Ngọc Vương (1995), *Loại hình tác giả văn học - Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, tr. 18.

³ Trần Ngọc Vương (1995), *Loại hình tác giả văn học - Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, tr. 18.

Nhà nho hành đạo và nhà nho ẩn dật vốn hình thành từ hai nguyên tắc ứng xử của nhà nho trước thời cuộc. Thời thuận thì hành thời nghịch lổi thì tàng. Nếu người hành đạo và người ẩn dật là con sinh đôi, thay thế nhau trong những tình thế khác nhau của xã hội nông thôn - cung đình cố hữu, thì người tài tử ra đời chậm (thế kỷ XVIII) gắn với sự phát triển của đô thị. Người tài tử chịu ảnh hưởng tư tưởng phóng khoáng, năng động của xã hội đô thị với nhiều điều mới mẻ tiếp thụ từ không khí giao lưu, mở cửa với thế giới bên ngoài. Người tài tử không coi sự nghiệp kinh bang tế thế là lý tưởng cuộc đời mà họ hướng tài năng, chí nguyện vào ý thức thể hiện bản lĩnh cá nhân. Họ yêu chuộng cái đẹp, cái thiện nhưng cái đẹp, cái thiện ấy xoay quanh hình bóng giai nhân, tài năng cầm, kỳ, thi, họa hoặc vẻ mỹ miều của thiên nhiên tạo vật... Sinh trưởng và thị tài trong môi trường đô thị nên người tài tử có nét riêng khó lẫn với người hành đạo và ẩn dật. Sự khác biệt rõ nhất của nhà nho tài tử với nhà nho hành đạo và ẩn dật đó là môi trường sống và cách thức sống. Vì coi trọng cái đẹp và thi tài nên người tài tử thể hiện được bản lĩnh cá nhân trong lĩnh vực nghệ thuật. Những sáng tác văn chương của nhà nho tài tử có vẻ đẹp của sự hoa mỹ, tài tình, phóng khoáng lẫn nông nghênh, kiêu bạc. Do đó, họ đã đem đến cho văn chương thời trung đại một khoảng trời riêng đẹp đẽ, khác lạ.

3. Nhà nho tài tử Tú Xương

Cuối thế kỷ XIX, xã hội Việt Nam chuyển sang hình thái thực dân nửa phong kiến. Ở đây đã bắt đầu xuất hiện sự giao tranh giữa cái cũ và cái mới, cuộc “hôn phối” giữa hai nền văn hóa phương Đông và phương Tây, một sự “kết giao” bác nháo tạo nên

những trò lố bịch. Với vai trò là một nhà nho, Tú Xương đã lỡ làng trên bước đường công danh, sự nghiệp, không có chỗ đứng nào trên nấc thang danh vọng của xã hội phong kiến. Với vai trò người chồng, người cha, Tú Xương bất tài vô dụng, không giúp ích gì cho gia đình. Với một cá tính sáng tạo độc đáo thì ở văn chương cử tử Tú Xương hoàn toàn không có đất dụng võ... Như vậy, đặt trong bối cảnh xã hội thực dân nửa phong kiến, Tú Xương là con người không hợp quy thức. Tú Xương bị khước từ trên mọi ngã đường nên trở nên hệt hẵng, chơi với. Ông là một tài tử sinh bất phùng thời. Cái tài chỉ mình biết, chỉ mình hay và áp dụng cho riêng mình. Người tài tử ở giai đoạn giao thời không có lý tưởng sống, không có mục đích sống nên quay ra bất mãn nông nghênh.

3.1. Tú Xương - con người “lệch chuẩn”

Ăn chơi phóng túng

Nếu như hình tượng chuẩn mực của kẻ sĩ Nho gia được vẽ rất đẹp qua sáng tác của các tác gia trong những giai đoạn trước thì đến cuối thế kỷ XIX, hình tượng Tú Xương đã phủ định tất cả những quy chuẩn của một nhà nho chân chính. Ông tự hào và hô to cho mọi người cùng thấy bản chất thật của mình như cách phân biệt bản thân với những kẻ giả danh đạo đức. Tú Xương không ngần ngại chỉ ra những thói hư tật xấu của bản thân với đầy đủ những lạc thú của kẻ phong lưu, phóng túng. Ông không phải là loại nhà nho sống “an bản lạc đạo” mà trái lại, là người quen thói ăn chơi “*phong nguyệt tình hoài, giang hồ chí cốt*”⁴. Ông mãi miết sống trong những cảm dỗ vật dục trần tục: *Bài bạc kiêu cờ cao nhất xú, Rượu chè trai gái đủ tam khoan/Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi, Cứ việc ăn chơi chẳng học hành. (Tự cười mình I).*

⁴ Mai Hương (2000), *Tú Xương - Thơ, lời bình và giai thoại*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, tr.163.

Nếu như Nguyễn Công Trứ, Dương Khuê, Chu Mạnh Trinh đều là những người ăn chơi rất sành điệu, ăn chơi nhưng họ vẫn giữ được cái phong thái và cốt cách của những bậc thượng lưu tài hoa thì Tú Xương lại khác, ông ăn chơi đến trụy lạc, bệ rạc, đến mất cả nhân cách và phong thái của một nho sinh: *Vị Xuyên có bác Tú Xương,/Quanh năm ăn quịt chơi lường mà thôi; Vị xuyên có Tú Xương,/Dở dở lại ương ương/Cao lâu thường ăn quịt,/Thổ dĩ lại chơi lường (Tự vịnh); Một trà, một rượu, một đàn bà/Ba cái lãng nhăng nó quấy ta/Chừa được cái gì hay cái ấy/Có chằng chừa rượu với chừa trà (Ba cái lãng nhăng).*

Ở thơ Tú Xương, ta thấy hiện tượng xưng danh và tự họa khá phổ biến. Ông tự bôi xấu bản thân mình trong giọng điệu bốn cột, tự chế giễu mình và tự đối lập với những chuẩn mực đạo đức phong kiến. Tự giễu cột mình là kém cỏi là kẻ vô hạnh, nên ông Tú không ngần ngại gì bộc lộ những thói xấu mang tính bản năng. Giữa chốn phồn hoa đô hội với lăm lặc thú khêu gợi, nhà thơ không thể tránh khỏi quan niệm sống hưởng lạc: *Ta lên ta hỏi ông trời/Trời sinh ta ở trên đời biết chi?/Biết chằng cũng chằng biết gì/Biết ngời Thống Bảo, biết đi ở đâu/Biết thuốc lá, biết chè tàu/Cao lâu biết vị, thanh lâu biết mùi (Hỏi ông trời).*

Chân dung của Tú Xương đã phá vỡ hình tượng chuẩn mực của những nhà nho, thư sinh đạo mạo, đường bệ từng xuất hiện rất nhiều trong văn chương trung đại. Nguyễn Du từng vẽ một nho sinh Kim Trọng đẹp đẽ, sáng ngời: *Hài thanh lần bước dặm băng, Một trời như thế cây quỳnh cành dao...* Tú Xương cũng là một nho sinh nhưng ông lại hiện lên như một bức hí họa, “tâm Phật, nhưng miệng hay xà, ông “thầy mẹ thầy cha” trong văn điệu của ông...”⁵. Với Tú

Xương, những chuẩn mực quy định cho một nhà nho đã bị xâm phạm một cách nghiêm trọng. Tú Xương sống cho mình, cho cái tôi riêng mình bất chấp định kiến của xã hội. Tú Xương không phải là nhà nho ẩn dật hay hành đạo mà ông là một cá tính riêng “một cá tính mới mẻ khác”, đem tung lên giấy một cái tôi trần trụi. Tú Xương không phải người đầu tiên đưa cái tôi vào văn chương... Nhưng chưa ai có cái táo bạo như cái táo bạo của Tú Xương.

Con người thừa

Trong thơ tự trào của Tú Xương nổi bật lên nhiều hình tượng độc đáo. Hình tượng ông Tú tự trào là một minh chứng. Đến với thơ tự trào Nguyễn Khuyến chúng ta thấy nhà thơ luôn có sự khẳng định bản ngã của một nhà nho chuẩn mực đạo đức Nho gia. Ở Nguyễn Khuyến, dù là tự trào trực tiếp hay kín đáo thì thơ ông lúc nào cũng thể hiện rõ hình ảnh của một nhà nho cao đạo đang tự cười mình. Đó là nụ cười nhỏ nhẹ mà chan chứa suy tư. Khác với Nguyễn Khuyến và nhiều nhà thơ khác, Trần Tế Xương không có giọng thâm trầm, kín đáo mà ông luôn thẳng thắn, bộc trực. Ông trực tiếp cười mình một cách hả hê, khi thì phủ định, lúc lại ngông ngạo. Là một nhà thơ tài hoa có học vấn nhưng không hợp thời. Ông cũng không nằm trong mẫu người an phận, thủ thường, không chấp nhận sự nhiều nhưng lối bịch của xã hội. Chính vì vậy mà Tú Xương trở thành một kẻ thừa thãi, “vô ích” trong xã hội. Nhà thơ ý thức rõ sự dư thừa này: *Trời đất sinh ra chán vạn nghề/Làm thầy làm thợ lại làm thuê/Bác này mới thật thái vô tích/Sáng vác ô đi tối vác ô về (Vô tích).*

Tú Xương là một nạn nhân của chế độ khoa cử, của xã hội đầy rẫy những nhiều nhưng, “nhưng ông hơn người là ở chỗ:

⁵ Vũ Tiên Quỳnh (1999), Trần Tế Xương, Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, tr.74

bực tức mà chỉ bật ra cười, điệu cười của con người ngang tàng...”⁶. Hình ảnh của Tú Xương như một phản ứng lại với xã hội thực dân nửa phong kiến, Tú Xương không che giấu mình, ẩn nấp trong lớp vỏ cao đạo của những định luật, lễ thói, ông mặc sức bộc lộ con người thật của mình. Tú Xương là hình mẫu điển hình cho con người lạc lõng, bơ vơ giữa xã hội mới, không được xã hội thừa nhận, nhà thơ như đứa con hoang chênh vênh giữa dòng đời. Không phải đến những năm 30 của thế kỷ XX hình ảnh con người thừa mới xuất hiện mà ở cuối thế kỷ XIX, Tú Xương là điển hình cho kiểu người mất phương hướng, vô định giữa dòng đời.

“Lệch chuẩn” trong văn chương

Thời trung đại, các nhà nho quan niệm thơ là để nói chí - “thi ngôn chí” và đó cũng chính là quan niệm chức năng văn học của Nho gia. Là một quan niệm về chức năng văn học, “thi ngôn chí” đồng thời còn là một đặc điểm thi pháp mang tính quy phạm của văn chương nhà nho thời trung đại. Quan niệm về ngôn chí và kiểu biểu hiện trong thơ của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan... cho thấy kiểu ngôn chí trong thơ của các nhà nho dù ẩn dật hay tài tử đều gắn liền với qui phạm hóa, chí gắn liền với tâm và tình, xoay quanh các vấn đề đạo đức, tu chí... làm nên tính cao nhã, mang đậm tính giáo huấn của văn chương nhà nho. Từ một con người lệch chuẩn đạo đức Nho gia, thơ văn của Tú Xương cũng đi ngoài chuẩn mực cần có của một nhà nho. Trong một xã hội mà nền tảng đạo đức phong kiến vững chắc, khi khen cũng như khi chê phải đầu vào đấy. Đạo đức sách vở nghiêm ngặt của nho gia, của thánh hiền không dung nạp sự trào lộng, không xen

lẫn tiếng cười trong những việc nghiêm trang. Tuy nhiên, Tú Xương một nhà thơ của sách vở thánh hiền lại mang tiếng cười trào lộng vào trong thơ ca của mình, “Lớp từ vụng khẩu ngữ phố phường, kẻ chợ đã “ùa” vào thơ Tú Xương một cách tự nhiên theo những quy luật của cảm xúc tự nhiên của chủ thể trữ tình mà tung hê mọi khuôn sáo, qui phạm của thơ trung đại”⁷, ở đó có cái lối lãng mục ruồng của một triều đại, của một thời thế được phô bày không khoan nhượng: *Trên ghế bà Đầm ngoi đít vịt/Dưới sân ông Cử ngỗng đầu rồng (Giễu người thi đỗ)*.

Tiếng cười mỉa mai đã đưa thơ của Tú Xương một sự độc đáo riêng biệt, ông được xem như một “hoạ sĩ trung thành” của thời đại khi vẽ nên những bức tranh xã hội Việt Nam hiện thực đến trần trụi. Trong khi các nhà nho cùng thời là khuôn mẫu nghiêm trang cùng với sự trau chuốt gọt giũa ngôn từ cẩn thận, thì ở Tú Xương ta lại gặp một con người phóng túng trong cách dùng từ, đặt câu. Những bài thơ của ông là những bức tranh hiện thực cuộc sống trần trụi về những nhà nho hết thời, về một xã hội đã phá tung mọi rào cản về đạo đức: *Nào có ra gì cái chữ nho/Ông nghề ông cống cũng nằm co/Chi bằng đi học làm thầy phán/Tối rượu sâm banh sang sữa bò (Chữ nho)*.

Những yếu tố nội sinh từ bản chất thông minh, hiếu động, thích quan sát, luận định hình thành trong con người Tú Xương đã đưa ông đến những phán xét riêng về hiện thực, Tú Xương có nhận định riêng và có cách thể hiện riêng trong nhận định đó. Khác với những tác gia khác, Tú Xương lựa chọn cách nói thực về những gì đang diễn ra trong xã hội, nói thực nhưng nói thể

⁶ Tú Mỡ (2013), *Tính chất trào lộng trong thơ Tú Xương*, in trong “Tú Xương - Nhà thơ trào phúng xuất sắc, một bậc “thần thơ, thánh chữ””, Nxb. Văn hóa thông tin, tr.230.

⁷ Đoàn Hồng Nguyên (2010), *Thơ Tú Xương trong tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr.244.

nào để cả xã hội đương thời phải tập trung, chú ý, đó là cái khác biệt của người tài tử Tú Xương. Rất tài tình và khác biệt so với những con người cùng loại, cùng thời, Tú Xương đem những cái đối lập để cạnh nhau, đem những nghịch lý trưng bày trong cùng một thực tại khách quan để tự nó bộc lộ lên những mâu thuẫn, những mâu thuẫn đó là mấu chốt làm nên nét độc đáo của thơ trào phúng Tú Xương đồng thời làm nên tài năng của Tú Xương.

3.2. Tú Xương - con người nông nghênh bất mãn thời cuộc

Loại hình nhà nho tài tử giai đoạn cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX tồn tại trong bối cảnh lịch sử “cuối mùa”, chế độ phong kiến Nho giáo đang ở vào buổi “hoàng hôn” và sắp đi đến tàn cực. Dưới sự suy sụp của chế độ phong kiến Nho giáo thì chế độ thực dân nửa phong kiến ra đời và không ngừng lớn mạnh, sự hôn phối, bát nháo, hỗn loạn giữa Ta - Tây không đem lại cho nhà nho chân chính một lý tưởng sống tích cực nào, xã hội tư sản đem lại cho các tác giả nhà nho tài tử một môi trường sống mới, đem lại những điều kiện thoả mãn cho việc ăn chơi, nhưng lại không đủ sức mang lại cho họ một lý tưởng sống nào. Vì thế, kiểu tác giả tài tử rơi vào cảnh bế tắc, mất lý tưởng, trước cuộc đời, họ cảm thấy lạc lõng, bơ vơ, cô đơn, sầu não... Nhìn chung, các sáng tác của nhà nho tài tử cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX ít nhiều thể hiện sự bất mãn trước thực tại, điều đó được thể hiện rất nhiều trong thơ Tú Xương.

Với cảm quan của mình, Tú Xương đã cảm nhận được, quan sát được, đã nhẹ nhàng quay lại những thước phim của sự suy đồi trong xã hội, sự bát nháo đến hỗn loạn, lộn sòng mọi giá trị của thành phố Nam Định, hơn hết nó còn là điển

hình chung cho cả nước. Hiện thực thì phủ phàng, Tú Xương lâm vào bế tắc, từ đó ông mang trong mình một tâm trạng u uất, bất mãn trước sự đổi thay, sự cuồng quay đến chóng mặt của xã hội. Vì vậy, ông đã tìm mọi cách để đối lập mình với xã hội, đó chính là một cái tôi nông nghênh trước thời cuộc, với việc phủ định thực tại, cái cười nông nghênh của Tú Xương vang lên thực cay độc, nhưng đâu đó vẫn có sự hóm hỉnh. Có lẽ, người nông nhất trong làng thơ xưa là Tú Xương, nông là một phong thái có sức quyến rũ lớn trong cuộc sống cũng như trong văn học. Không hiếm người muốn khẳng định cá tính của mình nên lúc nào cũng tỏ ra nông, phong cách sống nông nghênh, ngang tàng đã có trong văn chương của các nhà nho tài tử trước đó. Cách nói thách thức “*Trong triều ai ngất ngưỡng như ông*” khẳng định cái nông của Nguyễn Công Trứ - một nhà nho tài tử khi vào chốn Phật mà vẫn “*Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì*”. Sau Hồ Xuân Hương, Phạm Thái, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát... các nhà nho tài tử “cuối mùa” vẫn tiếp tục khẳng định cái tôi nông của mình, song ở mức độ mới hơn. Có thể nói rằng, bản chất cái nông phần nào đó là kết quả của phẩm chất cũng như quan niệm sống, lối sống của người tài tử, mà phẩm chất, quan niệm sống, lối sống lại được qui định bởi yếu tố của thời đại, họ muốn khẳng định con người cá nhân của chính mình trước thực tại, cách sống ấy vừa khẳng định cái nông, vừa để phản ứng lại xã hội đen tối.

Để phủ định cái thực tại đen tối ấy, Tú Xương tìm cho mình con đường để giải thoát. Trước hết, Tú Xương là người có đầy đủ bản lĩnh để khẳng định chính mình trong một xã hội khác người: *Ta nghĩ như ta có đại gì/ Ai chơi chơi với chẳng cần chi/Kìa thơ tri kỉ*

*đàn anh nhất/Nọ khách phong lưu bậc thứ
nhi/Ăn mặc vẫn ra người thiệp thế/Giang
hồ cho biết mặt tương tri...(Tự đắc).*

Mặc dù gặp phải một hoàn cảnh vô cùng khắt khe nhưng cái ngông của Tú Xương vẫn ngang nhiên tồn tại như một sự thách thức với định mệnh, với cuộc đời. Trong hoàn cảnh trớ trêu ấy, Tú Xương đã dùng tiếng cười để giải tỏa tất cả, nhà thơ bèn mang chính mình ra châm chọc, biến cái bi thành cái hài, bởi vì hình như với ông, cuộc đời chẳng khác gì một hí trường để tất cả mọi người cùng đến đó vui chơi đú đờn: *Lúc túng toan lên bán cả trời/Trời cười: thằng bé nó hay chơi/Cho hay công nợ là như thế/Mà vẫn phong lưu suốt cả đời...(Tự cười mình).*

Với Tú Xương, ông vốn là người ưa cười, ông cười người, cười đời và cười cả chính mình, thậm chí, có lúc ông còn ngông đến mức “đòi bán cả trời”. Với Tú Xương, cái tình, cái ngông, cái cười, với một ít cái “thực”, hòa lẫn vào nhau làm nên một thứ nội dung độc đáo, nhà thơ đã dùng tiếng cười tự trào để tự khẳng định nhân cách của mình, tạo ra một thế cân bằng mới. Tác giả đã *Tự cười mình* rằng: *Bài bạc kiêu cờ cao nhất xứ/Rượu chè trai gái đủ tam khoanh/Thế mà vẫn nghĩ rằng ta giỏi/Cứ việc ăn chơi, chẳng học hành.*

Nhà thơ tự chế giễu chính mình nhưng nụ cười ấy không phải là cái xấu xa, thấp thoáng đằng sau nụ cười còn có thái độ bất mãn, từ đó hướng tới một cuộc sống tự do, ngoài quyên môn. Hơn hết, ở Tú Xương, ông đã đi ngược lại lại truyền thống của thơ ngôn chí, lúc này, cái giá trị của Nho gia đã bị thay đổi, mọi thứ đã bị xáo trộn, thi ngôn chí không còn là hình tượng mẫu mực của thơ ca nhà Nho phong kiến nữa. Tú Xương làm thơ để khẳng định hướng đi riêng của

mình chứ không phải hướng đi được định sẵn trong thánh kinh hiền truyện, ở thời Tú Xương, cái cũ đã mất, nhưng cái mới thì vẫn chưa rõ, chưa định hình được. Tú Xương tự đi tìm lời giải cho chính mình, ông tìm đến lối sống chơi bời ngông nghênh, ông ngông nghênh tự hào và tự coi mình là bậc thánh về các món ăn chơi: *Cũng lắm phen đi đó đi đây, thất điên bát đảo/Cũng nhiều lúc chơi liêu chơi lĩnh, tứ đốm tam khoanh/Nhà lính, tính quan: ăn rất những thịt quay, lạp xưởng, mặc rất những quần vận, áo xuyên; (Thầy đồ).* Ông còn đem rất những món ăn chơi ấy dạy đời: *Dạy câu Kiều lấy/Dạy khúc lý kinh/Dạy những khi xuống ngựa lên xe, đứng ngồi phải phép/Dạy những lúc cao lâu chiếu hát, ăn nói cho sành! (Thầy đồ).*

Và rồi thực chất ẩn đằng sau thái độ đó là một nỗi đau, một sự phẫn uất đến nghẹn ngào: *Có một thầy/Dốt chẳng dốt nào/Chữ hay, chữ lỏng/... Sách vở mạp mờ/Vấn chương lóng ngóng (Hồng khoa Canh Tý).*

Tú Xương không hề giấu giếm những tật xấu của mình, ông thích phô trương, ngạo nghễ làm một Chú Mán để đối nghịch với xã hội. Hình tượng *Chú Mán* thể hiện kiểu sống phi Nho của Tú Xương, đó cũng là châm ngôn sống của nhà thơ và phần lớn những nhà nho thất thế, lỡ thời: *Phong lưu nhất ai bằng chú Mán/Trong anh em chúng bạn kém thua xa/Buồn loạn ly bốn bề không nhà/Răng chẳng nhuộm, vợ chẳng lấy, lựa là chẳng mặc/Mán chỉ làm đủ tiên tiêu vật/Khi cao lâu, khi cà phê, khi nước đá, khi thuốc lá, khi đứng đỉnh ngôi xe/Sự đời Mán chẳng buồn nghe*

Đó là triết lý sống của một kẻ không chịu nhập cuộc vào dòng đời ô trọc. Cùng với những người đi trước, tiếng cười tự trào của Tú Xương và kiểu tác giả phi Nho tự

khẳng định mình: *Tú rớt bạng giữa năm Giáp Ngọ, nổi tiếng tài hoa/Con nhà dòng ở đất Vị Xuyên ăn phân cố nọng (Hồng khoa Canh Tý).*

Điều đó cho thấy một Tú Xương thách thức, ngang tàng và ý thức sâu sắc về bản thân mình, nhưng hơn hết, cái ngông của Tú Xương còn thể hiện ở tất cả những thói hư, tật xấu của mình đều được ông nói lên một cách thành thực và thắm thía. Thơ văn ông hiện lên một hình tượng của cái ngông, dám nói toạc những điều mà người đời không dám nói, không chịu trời buộc. Song, nếu cái ngông của các nhà Nho tài tử trước Tú Xương ít nhiều mang dáng dấp ngang tàng, phóng khoáng thì ở thời Tú Xương, cái ngông không còn mang bóng dáng khí phách mà trở nên buông tuồng, suồng sã mang tính thị dân, hơn hết, cái ngông của người tài tử cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX nói lên được rất nhiều điều trong nhân cách, bản lĩnh, kể cả bi kịch mà họ phải chịu đựng.

4. Kết luận

Tú Xương sống vào những thập niên cuối cùng của thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp cơ bản đã bình định xong toàn cõi Việt Nam và phong trào Đông Du cũng đã thất bại. Sống trong môi trường đô thị, những phẩm chất tài tử của Tú Xương bộc lộ một cách rõ nét, trước sự biến thiên của thời đại, những yếu tố của thời cuộc cũng đã dần ảnh hưởng và chi phối sâu sắc đến lối tư duy của Tú Xương, môi trường xã hội mới mà ở đó bộc lộ đầy những khuyết điểm khiến cho nhà nho Tú Xương cần phải thay đổi để thích nghi. Thực chất, biểu hiện tài tử ở con người Tú Xương được chi phối và quyết định rất nhiều bởi yếu tố thời đại, bi kịch lớn nhất trong cuộc đời Tú Xương là “sinh bất phùng thời”, Tú Xương mơ cho

mình, khao khát cho mình một con đường công danh tươi đẹp nhưng hiện thực xã hội phũ phàng đã khước từ mọi cố gắng, “vấy đập” của chính ông, ông vấy vùng bao nhiêu, phá phách bao nhiêu nhưng cuối cùng ông vẫn rơi vào bi kịch. Từ đó, ông quay lưng với xã hội, tìm đến cho mình nụ cười để giải thoát, ông ngông nghênh, ngạo nghễ với đời, ông cười cái xã hội chó đũa kia và rồi ông cũng tự cười chính bản thân mình. Sống trong một môi trường như thế, Tú Xương đã chứng kiến bao sự đổi thay của thời đại, từ đó mà thơ Tú Xương là một thế giới chứa đầy những thứ xấu xa, bần tiện nhất lúc bấy giờ, cũng đồng thời còn chứa đựng những tâm tình, những lời tâm sự của một con người luôn ý thức về mình, là những tiếng vọng khắc khoải, mơ hồ vọng về từ hiện thực đen tối. Tất cả tạo nên vẻ đẹp của một nhân cách tài tử vượt lên trên hiện thực để ngạo nghễ, ngông nghênh và gửi gắm những khát vọng lớn của con người thời đại tới muôn sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai Hương (2000), *Tú Xương - Thơ, lời bình và giai thoại*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Đoàn Hồng Nguyên (2010), *Thơ Tú Xương trong tiến trình hiện đại hóa văn học Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
3. Thao Nguyễn (2013), *Tú Xương - Nhà thơ trào phúng xuất sắc, một bậc “thần thơ, thánh chữ”*, Nxb. Văn hóa thông tin.
4. Vũ Tiến Quỳnh (1999), *Trần Tế Xương*, Nxb. Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Trần Ngọc Vương (1995), *Loại hình tác giả văn học - Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.